

Bản án số: 68/2020/HS-ST

Ngày 16-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Văn L**, sinh năm 1985 tại xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKH và nơi ở: Thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Lưu Xuân V (đã chết); con bà Vũ Thị L (đã chết); vợ: Trần Thị N, sinh năm 1982 (đã ly hôn), con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số: 05/2013/HSST ngày 31/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Lưu Văn L 05 năm tù về tội "Cướp tài sản". Long chấp hành xong bản án ngày 19/01/2016; Tại bản án số: 24/2018/HSST ngày 08/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt Lưu Văn L 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". L chấp hành xong bản án ngày 06/12/2018;

Nhân thân: Tại Bản án số: 30/HSST ngày 14/12/2004, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". L chấp hành xong bản án ngày 03/02/2007; Ngày 16/7/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ra quyết định đưa Lưu Văn L vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong); Tại bản án số: 227/2020/HSST ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt Lưu văn L 05 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, thuộc huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lò Thị N**, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2002 tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKH và nơi ở: Bản B, xã N, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ mú; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn T, sinh năm 1981; con bà Lương Thị C, sinh năm 1984; chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị N:** Bà Ong Thị T- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Bị hại:

+ Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Ông Ngụy Văn Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Chị Ong Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Ông Vũ Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Cháu Nguyễn Đình A, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Quế

Võ, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Đình A: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Đình A) (Vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Tân T, xã P, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

+ Anh Bùi Thế Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lưu Văn L, sinh năm 1985 ở tại thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ tình cảm với bị cáo Lò Thị N, sinh ngày 29/9/2002, ở bản B, xã N, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bản thân L đã nhiều lần bị xét xử về tội “Cướp tài sản, trộm cắp tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do cả hai cùng không có công việc làm và thu nhập ổn định, do không có tiền ăn tiêu đua đòi, nên L đã chủ động rủ N cùng nhau đi trộm cắp tài sản, sau đó đem bán lấy tiền cùng nhau ăn tiêu, chơi bời cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 02/3/2020, L và N liên tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản của nhiều cá nhân trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Khi đi gây án, L và N đèo nhau đi trên đường quan sát, nếu thấy tài sản không có người trông coi thì đỗ xe để Nghiệp ở ngoài cảnh giới còn L đột nhập vào trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền cùng nhau sử dụng cá nhân. Cụ thể đã xác định L và N đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất:

Sáng ngày 20/9/2019, Lưu Văn L đem theo vạm phá khoá, một mình đi bộ từ nhà lên Thị trấn N để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Yên Dũng thuộc tiểu khu 1 (nay là Tổ dân phố 1), thị trấn N, huyện Yên Dũng. Biết trong Trung tâm giáo dục thường xuyên có nhiều xe mô tô của nhiều giáo viên và học sinh dựng ở trong Trung tâm nhiều người qua lại không ai để ý, nên L trèo qua tường bao của Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Yên Dũng vào trong để tìm tài sản trộm cắp. Khi vào trong, L phát hiện thấy có nhiều xe mô tô dựng trong đó có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Future, biển kiểm soát 98N1-4632 của anh Bùi Thế Đ, sinh năm 1984 trú tại thôn Đ, xã L, huyện Yên Dũng để tại khu vực sân trước nhà hiệu bộ của nhà trường (anh Đ là giáo viên của trường Trung học phổ thông Yên Dũng 1, hiện đang ở tại khu nhà tập thể dành cho cán bộ tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Yên Dũng). Quan sát thấy không có người trông coi, L đi đến vị trí chiếc xe, sau đó dùng vạm phá khoá đem theo phá được khoá đem ra ngoài đem đến khu vực huyện Lạng Giang bán cho một người không quen biết được 900.000đ và dùng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, anh Đ đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 254).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc xe bị trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 02/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô của anh Bùi Thế Đ tại thời điểm bị trộm cắp trị giá là 1.700.000 đồng (Bl 132; 181-184);

Do L khai bán xe trộm cắp của anh Đ cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay anh Đ yêu cầu L phải bồi thường 1.700.000đ. Hiện L chưa bồi thường.

Vụ thứ 2:

Buổi chiều ngày 20/10/2019, Lưu Văn L đi xe mô tô của L (do L đã bán nên không nhớ biển kiểm soát) kèm sau Lò Thị N đi dọc theo đường hướng thị trấn N - xã Đ, huyện Yên Dũng mục đích tìm xem ai có xe mô tô để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu vực chợ cóc thuộc thôn B, xã Đ, huyện Yên Dũng, L và N phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, biển kiểm soát 98L9-7376 của chị Lê Thị Đ, sinh năm 1980, ở thôn V, xã Đ, huyện Yên Dũng để tại bờ đường. Quan sát thấy không có người trông coi, L đổ xe bảo N đứng canh giới còn L đi đến vị trí chiếc xe trên dùng vạm phá khoá trộm cắp rồi L và N đem xe trộm cắp được đến huyện

Lạng Giang bán cho người không quen biết được khoảng 900.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp, L và N cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, chị Đ đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 197).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc xe bị trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 02/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị Đ là 1.900.000 đồng (Bl 131; 177-180)

Do L khai bán xe trộm cắp của chị Đ cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay chị Đ yêu cầu L, N phải bồi thường 1.900.000đ. Hiện L và N chưa bồi thường.

Vụ thứ 3:

Buổi trưa ngày 22/10/2019, Lưu Văn L điều khiển xe mô tô của L kèm Lò Thị N phía sau đi đến xã T, huyện Yên Dũng dọc theo bờ đê để tìm xem nhà dân nào để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu vực bên đê Phù Lãng thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, L và N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 98G1-012.29 của ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 ở thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng dừng ở khu vực lối xuống bên đê. Quan sát thấy không có người trông coi, L đổ xe bảo N đứng ngoài cảnh giới còn L đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô ông Đ dựng dùng vạm phá được khoá sau đó cùng N đem xe trộm cắp được đến huyện Lạng Giang bán cho một người không quen biết được 3.000.000đ. Số tiền trộm cắp có được, L và N chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, ông Đ đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 236).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của ông Đ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của ông Đ trị giá là 12.260.000đ (Bl 126; 157-160).

Do L khai bán xe trộm cắp của ông Đ cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay ông Đ yêu cầu L, N phải bồi thường 12.260.000đ. Hiện L và N chưa bồi thường;

Vụ thứ 4:

Buổi chiều ngày 13/11/2019, Lưu Văn L và Lò Thị N đi xe mô tô của L đến khu vực xã C, huyện Yên Dũng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến khu vực “Phòng khám bác sỹ Hậu” thuộc địa phận thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, L và N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng trước cửa phòng khám. Đó là xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave a, biển kiểm soát 19H1-033.35 của chị Trần Thị H, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng dựng trước phòng khám. Quan sát thấy không có người trông coi, L đổ xe bảo N đi xe mô tô lên cổng công ty Habook đợi, còn L đi đến vị trí chiếc xe chị H dựng dùng vạm phá được khóa trộm cắp xe sau đó cùng N đem đến huyện Lạng Giang bán cho một người không quen biết được khoảng 3.000.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp được, L cùng N chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, chị H đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 242).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị H. Tại bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 02/4/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị H trị giá là 1.700.000đ (Bl 128; 165-168).

Do L và N khai bán xe trộm cắp của chị H cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay chị H yêu cầu L, N phải bồi thường 1.700.000đ. Hiện L và N chưa bồi thường;

Vụ thứ 5:

Ngày 13/12/2020, Lưu Văn L và Lò Thị N đi xe mô tô của L đến thị trấn N, huyện Yên Dũng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến khu vực cây xăng Hương Tiến thuộc địa phận tổ dân phố B, thị trấn N, huyện Yên Dũng, L và N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng không có người trông coi. Đó là xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, biển kiểm soát 98F7-0360 của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972, ở tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Yên Dũng để tại sân giáp cổng phụ của cây xăng. Quan sát thấy không có người trông coi, L đổ xe cách một đoạn bảo N đứng chờ cảnh giới bên ngoài, còn L đi đến vị trí chiếc xe dựng dùng vạm phá được khóa sau đó đem xe trộm cắp được cùng N đến huyện Lạng Giang bán cho một người không quen biết được 3.000.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp được, L và N cùng nhau chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, chị N đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 218).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe L và N trộm cắp của chị N. Tại bản kết luận định giá số 27 ngày 02/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị N là 3.800.000đ (B1 130; 173-176).

Do L và N khai bán xe trộm cắp của chị N cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay chị N yêu cầu L, N phải bồi thường 3.800.000đ. Hiện L và N chưa bồi thường;

Vụ thứ 6:

Buổi chiều ngày 19/12/2019, Lưu Văn L và Lò Thị N cùng nhau đi xe mô tô của L đến xã T, huyện Yên Dũng để tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến khu vực trường mầm non xã Tư đang xây dựng, L và N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng ở khu đất trước cổng trường mầm non. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 98N6-2834 của ông Ngụy Văn Q, sinh năm 1964 ở thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng. Quan sát thấy không có người trông coi, L đổ xe và bảo nghiệp đi xe lên phía trước chờ, cảnh giới còn L đi đến vị trí chiếc xe dùng vạm phá được khóa trộm cắp xe và cùng N đem đến huyện Lạng Giang bán cho một người không quen biết được khoảng 3.000.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp được, L cùng N chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, ông Q đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (B1 207).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của ông Q. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 01/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của ông Q trị giá 1.900.000đ (B1 120; 133-136).

Do L và N khai bán xe trộm cắp của ông Q cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay ông Q yêu cầu L, N phải bồi thường 8.000.000đ. Hiện L và N chưa bồi thường;

Vụ thứ 7:

Chiều ngày 21/12/2019, Lưu Văn L và Lò Thị N cùng đi xe mô tô của L đến thị trấn N, huyện Yên Dũng để tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến quán karaoke Queen thuộc tổ dân phố B, thị trấn N, huyện Yên Dũng, L và N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng ở bãi đất trống cạnh quán karaoke Queen. Đó là xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Lead, biển kiểm soát 98B1-724.81 của chị Ong Thị H, sinh năm 1975, ở tổ dân phố B, thị trấn N, huyện Yên Dũng. Quan sát thấy không có người trông coi,

L xuống xe bảo N điều khiển xe lên phía trước chờ và cảnh giới còn L đi đến vị trí chiếc xe và dùng vạm phá được khóa trộm cắp xe mô tô đem ra ngoài cùng N đem đến huyện Lạng Giang bán cho người không quen biết được 6.000.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp, L cùng N chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, chị H đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 231).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị H. Tại bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị H là 10.011.000 đồng (Bl 121; 137-140)

Do L và N khai bán xe trộm cắp của chị H cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay chị H yêu cầu L, N phải bồi thường 10.011.000 đồng. Hiện L và N chưa bồi thường.

Vụ thứ 8:

Sáng ngày 23/12/2019, Lưu Văn L và Lò Thị N đi xe mô tô của L đến thị trấn N, huyện Yên Dũng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến khu vực chợ N thuộc tổ dân phố H, thị trấn N, huyện Yên Dũng. L và N phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng ở khu vực để xe của ban quản lý chợ. Đó là xe mô tô nhãn hiệu ASTREA, biển kiểm soát 12F1–0229 của ông Vũ Văn H, sinh năm 1964, ở thôn B, xã C, huyện Yên Dũng. Quan sát thấy không có người trông coi, L đổ xe bảo N đi xe lên phía trước chờ, còn L đi đến vị trí chiếc xe dùng vạm phá được ổ khóa điện đem xe ra ngoài cùng N đem đến huyện Lạng Giang bán cho một người không quen biết được 1.000.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp được, L cùng N chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, ông H đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 213).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe L và N trộm cắp của ông H. Tại bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe L và N trộm cắp của ông H là 1.700.000 đồng (Bl 123; 145-148).

Do L và N khai bán xe trộm cắp của ông H cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay ông H yêu cầu L, N phải bồi thường 1.700.000đ. Hiện L và N chưa bồi thường;

Vụ thứ 9:

Buổi chiều ngày 25/02/2020, Lưu Văn L và Lò Thị N cùng nhau đi trên chiếc xe mô tô của L đến khu Thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng thuộc tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Yên Dũng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực chân dốc khu Thiền Viện, L đỗ xe bảo N đứng chờ, còn L đi bộ một mình đi bộ lên khu Thiền Viện, khi đi đến khu vực dừng nghỉ của Thiền Viện thì L phát hiện thấy có một chiếc xe máy điện dựng ở đó. Đó là xe đạp điện Biển kiểm soát 99MĐ5-025.77 của cháu Nguyễn Đình A, sinh năm 2004, ở thôn M, xã P, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Quan sát thấy không có người trông coi, L đi đến trộm cắp xe rồi ngồi lên cho xe trôi dốc đến vị trí N đứng chờ sau đó đấu điện chiếc xe rồi đem xe đến huyện Lạng Giang bán cho người không quen biết được 3.000.000đ. Số tiền bán xe trộm cắp, L cùng N chi dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, cháu A đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (B1 248).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe đạp điện L và N trộm cắp của cháu A. Tại bản kết luận định giá số 22 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe đạp điện L và N trộm cắp của cháu A là 9.935.000đ (B1 125; 153-156).

Do L và N khai bán xe trộm cắp của cháu A cho người không biết tên, địa chỉ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không thu hồi được, nay cháu A yêu cầu L, N phải bồi thường 9.935.000 đồng. Hiện L và N chưa bồi thường.

Vụ thứ 10:

Chiều ngày 26/02/2020, Lưu Văn L điều khiển xe mô tô của L kèm Lò Thị N đi từ nhà đến khu Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng thuộc thị trấn N, huyện Yên Dũng để tìm tài sản để trộm cắp (do trước đó L biết có nhiều người đi chùa sẽ để xe máy ở khu dừng nghỉ). Khi đến khu vực chân dốc, L dừng xe và bảo N đứng chờ, còn L đi bộ một mình lên. Khi đi đến khu vực dừng nghỉ của Thiền Viện, L phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô dựng ở đó. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 20C1-293.71 của chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981, ở thôn T, xã P, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Quan sát thấy không có người trông coi, L đi đến dùng vạm phá khóa đem theo phá được khoá cổ rồi trộm cắp xe dắt ra ngồi lên thả trôi theo dốc đến vị trí N đứng chờ. L đổi xe cho N, bảo N ngồi lên xe trộm cắp còn L điều khiển xe mô tô của L dùng chân đẩy ra khu vực quốc lộ 17, sau đó L tháo biển kiểm soát của xe trộm cắp được vớt vào bờ đường rồi đấu điện xe, sau đó đem bán chiếc xe mô tô của L cho người không biết tên địa chỉ rồi điều khiển chiếc xe trộm cắp được của chị N ra

thành phố Hà Nội tìm nơi tiêu thụ, nhưng chưa bán được, nên L đã sử dụng chiếc xe trộm cắp này làm phương tiện đi lại. Đến ngày 23/3/2020, khi L đang điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp của chị N đi trên đường ở quận H, TP Hà Nội thì bị C an quận H, thành phố Hà Nội bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị thu giữ xe. Qua điều tra, xác minh, ngày 27/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội đã trả lại chiếc xe trên cho chị Hoàng Thị N.

Đối với chị N, sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô ngày 26/02/2020, chị N đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 223).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị N. Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của chị N là 46.908.000đ (Bl 124; 149-152).

Nay chị N không yêu cầu bồi thường gì khác

Vụ thứ 11:

Biết ở khu Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng thuộc thị trấn N, huyện Yên Dũng có nhiều xe mô tô của nhiều người đến chơi chùa dễ trộm cắp, nên buổi chiều ngày 02/3/2020, Lưu Văn L đi xe mô tô trộm cắp của chị N kèm Lò Thị N đi từ nhà đến Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng thuộc thị trấn N, huyện Yên Dũng để tìm xe để trộm cắp. Khi đến khu vực chân dốc, L dừng xe và bảo N đứng chờ còn L đi bộ một mình lên, khi đi đến khu vực dừng nghỉ của Thiền Viện, L phát hiện thấy có nhiều xe mô tô dựng ở khu vực dừng nghỉ. Trong đó có xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Exciter, biển kiểm soát 98B3-238.41 của anh Lê Văn T, sinh năm 1992 ở thôn N, xã X, huyện Yên Dũng. Quan sát thấy không có người trông coi, L đi đến vị trí chiếc xe anh Trung dựng dùng vạm phá khóa được khoá rồi dắt xe ra đường ngồi lên thả trôi theo dốc xuống vị trí N đứng chờ. L đổi xe cho N rồi bảo N ngồi lên xe trộm cắp được của anh T còn L đi xe trộm cắp của chị N dùng chân đẩy đi ra đường Quốc lộ 17 rồi L tháo biển kiểm soát xe trộm cắp được của anh T ra rồi lắp vào xe trộm cắp của chị N sau đó cùng N đem xe trộm cắp của anh T đến huyện Lạng Giang bán cho người không quen biết được 8.000.000đ.

Số tiền bán xe trộm cắp, L và N dùng chi tiêu cá nhân hết.

Đối với chiếc biển kiểm soát 98B3-238.41, ngày 09/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội đã bàn giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô, anh T đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra giải quyết (Bl 187).

Ngày 30/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành trưng cầu định giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của anh T. Tại bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô L và N trộm cắp của anh T là 38.775.000 đồng (Bl 122; 141-144);

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng xác định: Chiếc xe mô tô của anh T do L và N trộm cắp đang bị Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tạm giữ trong một vụ việc khác và được gắn biển kiểm soát 98B3-229.84 mang tên ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1968, ở thôn H, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Ông A khai ông có xe mô tô Biển kiểm soát 98B3-229.84, do không có nhu cầu sử dụng nên đã bán xe cho người không quen biết. Nay ông A không có yêu cầu, đề nghị gì. Ngày 26/8/2020, Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã bàn giao chiếc xe mô tô và chiếc biển kiểm soát cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài những vụ trộm cắp nêu trên, tại cơ quan điều tra, Lò Thị N còn khai nhận cùng Lưu Văn L thực hiện 02 vụ trộm cắp các ngày 07/12/2019 và ngày 28/12/2019 được 02 chiếc xe mô tô của anh Lưu Văn Á, sinh năm 1980 ở thôn Đông, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng và của anh Trần Văn D, sinh năm 1993 ở thôn L, xã T, huyện Yên Dũng. Tuy nhiên L không thừa nhận cùng N thực hiện các vụ trộm cắp trên, cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất. Ngoài lời khai không có các chứng cứ khác, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tách ra điều tra làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

Trong vụ án này: Đối với đối tượng mua xe trộm cắp của L và N đem đến bán, L và N khai không biết tên, địa chỉ, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với chiếc xe mô tô và chiếc vạm phá khoá L và N dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, L khai đã bán xe mô tô cho người không biết tên, chiếc vạm phá khoá đã vứt ở bờ đường nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trong các vụ trộm cắp tài sản trên, bản thân N chưa có tiền án, tiền sự, các lần trộm cắp tài sản ngày 20/10/2019; ngày 13/11/2019; ngày 19/12/2019 và ngày 23/12/2019 của N thực hiện cùng L có trị giá tài sản dưới 2.000.000đ, nên ngày 22/9/2020, Công an huyện Yên Dũng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với N.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-238.41 (do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bàn giao); 01 xe mô tô Yamaha Exciter cùng chiếc biển kiểm soát 98B3-229.84 (do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bàn giao) được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 59/CT-VKSXD ngày 26/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Lưu Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173- Bộ luật hình sự; bị cáo Lò Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, các bị cáo không bị oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại là anh Lê Văn T có mặt tại phiên tòa trình bày: Đề nghị HĐXX cho anh T được nhận lại 01 xe mô tô Yamaha Exciter và 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-238.41, ngoài ra anh T không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Bị hại là anh Bùi Thế Đ có mặt tại phiên tòa trình bày: Yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho anh số tiền là 1.700.000 đồng, ngoài ra anh Đ không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Bị hại là chị Lê Thị Đ có mặt tại phiên tòa trình bày: Yêu cầu bị cáo L và bị cáo N phải bồi thường cho chị số tiền là 1.900.000 đồng, ngoài ra chị Đ không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173- Bộ luật hình sự; bị cáo Lò Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173- Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58, Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 05 năm 06 tháng tù tại bản án số: 227/2020/HSST ngày 31/7/2020 của Tòa

án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lò Thị N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Trả lại anh Lê Văn T 01 xe mô tô Yamaha Exciter cùng chiếc biển kiểm soát 98B3-229.84 và 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-238.41; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-229.84 (do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bàn giao).

Về án phí: Bị cáo Lưu Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị N. Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí cho phần yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện Yên Dũng còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bằng thủ đoạn đi bộ, đi xe mô tô trên đường quan sát, nếu thấy người nào để xe mô tô, xe đạp điện sơ hở không có người trông coi, bị cáo Lưu Văn L đỗ xe để bị cáo Lò Thị N ở ngoài cảnh giới, còn L vào dùng vạm phá khoá trộm cắp xe đem bán lấy

tiền cùng nhau chi tiêu cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 02/3/2020, tại địa bàn các xã C, T, Đồ, TT N, huyện Yên Dũng; bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N đã thực hiện 11 vụ trộm cắp được 10 chiếc xe mô tô các loại và 01 xe đạp điện của 11 người.

Tổng trị giá tài sản L và N trộm cắp là 130.589.000đ. Trong đó: L một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trị giá là 1.700.000 đồng; L cùng N thực hiện 10 vụ trộm cắp. Tổng trị giá là 128.889.000 đồng;

Cơ quan điều tra đã thu hồi được 02 xe mô tô tổng trị giá 85.683.000đ, số tài sản không thu hồi được là 08 xe mô tô, 01 xe đạp điện tổng trị giá 44.906.000đ.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án này có 02 bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 02/3/2020 bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N đã cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản. Hai bị cáo không có nghề nghiệp, toàn bộ tài sản trộm cắp được hai bị cáo đã bán lấy tiền để làm nguồn sống chính. Tổng trị giá tài sản mà hai bị cáo chiếm đoạt của 10 bị hại là 128.889.000đ, bị cáo L thực hiện một mình một vụ trộm cắp tài sản có giá trị là 1.700.000 đồng. Bên cạnh đó, bị cáo L đã nhiều lần bị xử phạt về hành vi Cướp tài sản, trộm cắp tài sản mà chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173- Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173- Bộ luật hình sự. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 khi quyết định hình phạt.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo Lưu Văn L có vai trò chính bởi lẽ bị cáo là người nảy sinh ý định và trực tiếp trộm cắp 11 chiếc xe mô tô và xe đạp điện của các bị hại. Bị cáo Lò Thị N có vai trò đứng thứ hai trong vụ án khi đã tích cực giúp sức với vai trò cảnh giới để L trộm cắp được tài sản.

[5] Xét về tiền án và nhân thân của các bị cáo:

Tiền án: Tại bản án số: 05/2013/HSST ngày 31/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt Lưu Văn L 05 năm tù về tội "Cướp tài sản". L chấp hành xong bản án ngày 19/01/2016; Tại bản án số: 24/2018/HSST ngày 08/5/2018, Tòa án nhân dân

huyện Việt Yên xử phạt Lưu Văn L 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". L chấp hành xong bản án ngày 06/12/2018.

Nhân thân: Tại Bản án số: 30/HSST ngày 14/12/2004, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". L chấp hành xong bản án ngày 03/02/2007; Ngày 16/7/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ra quyết định đưa Lưu Văn L vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng (đã chấp hành xong); Tại bản án số: 227/2020/HSST ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt Lưu văn L 05 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội hai lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo L còn là người rủ rê, lôi kéo, xúi giục bị cáo N đi trộm cắp tài sản khi N chưa đủ 18 tuổi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Xét thấy, bị cáo L là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án xét xử về hành vi Cướp tài sản, trộm cắp tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy và đã có thời gian chấp hành án tại trại giam. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm. Bị cáo N trong khoảng thời gian ngắn đã cùng bị cáo L thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mà hai bị cáo trộm cắp là 128.889.000 đồng. Chứng tỏ các bị cáo là đối tượng khó giáo dục nên cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Như vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội như đại diện VKSND huyện đã phát biểu về đường lối giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, khi xem xét và đánh giá hình phạt đối với bị cáo Lò Thị N, HĐXX cũng cần áp dụng các Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm do các bị cáo thực hiện, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX thấy bị cáo L không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện bị cáo L đang chấp hành án tại Trại Giam; bị cáo N không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo N là người

dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L phải bồi thường cho anh Bùi Thế Đ số tiền 1.700.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị Đ số tiền 1.900.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.200.000 đồng, bị cáo N bồi thường 700.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 12.260.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 8.000.000 đồng, bị cáo N bồi thường 4.260.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 1.700.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.100.000 đồng, bị cáo N bồi thường 600.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 3.800.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 2.500.000 đồng, bị cáo N bồi thường 1.300.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho ông Ngụy Văn Q số tiền 1.900.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.200.000 đồng, bị cáo N bồi thường 700.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Ong Thị H số tiền 10.011.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 6.700.000 đồng, bị cáo N bồi thường 3.311.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho ông Vũ Văn H số tiền 1.700.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.100.000 đồng, bị cáo N bồi thường 600.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho cháu Nguyễn Đình A số tiền 9.935.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 6.600.000 đồng, bị cáo N bồi thường 3.335.000 đồng).

Đối với yêu cầu của ông Ngụy Văn Q yêu cầu bị cáo L và bị cáo N phải bồi thường cho ông số tiền 8.000.000 đồng. Xét thấy: Ông Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ cho việc chiếc xe mô tô của ông có giá trị là 8.000.000 đồng. Nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông, mà chỉ chấp nhận buộc bị cáo L và bị cáo N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Q số tiền 1.900.000 đồng.

[11] Trong các vụ trộm cắp tài sản trên, bản thân N chưa có tiền án, tiền sự, các lần trộm cắp tài sản ngày 20/10/2019; ngày 13/11/2019; ngày 19/12/2019 và ngày 23/12/2019 của N thực hiện cùng L có trị giá tài sản dưới 2.000.000đ, nên ngày 22/9/2020, Công an huyện Yên Dũng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với N, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[12] Đối với các đối tượng mua xe trộm cắp của L và N đem đến bán, L và N khai không biết tên, địa chỉ, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[13] Tại cơ quan điều tra, Lò Thị N còn khai nhận cùng Lưu Văn L thực hiện 02 vụ trộm cắp các ngày 07/12/2019 và ngày 28/12/2019 được 02 chiếc xe mô tô của anh Lưu Văn Á, sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã C, huyện Yên Dũng và của anh Trần Văn D, sinh năm 1993 ở thôn L, xã T, huyện Yên Dũng. Tuy nhiên L không thừa nhận cùng N thực hiện các vụ trộm cắp trên, cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất. Ngoài lời khai không có các chứng cứ khác, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tách ra điều tra làm rõ, có căn cứ xử lý sau, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[14] *Về vật chứng của vụ án:*

Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter và 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-238.41 là của anh Lê Văn T nên cần trả lại cho anh T, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-229.84 (do Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bàn giao) là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

[15] Về án phí: Bị cáo Lưu Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Lò Thị N vì là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí cho số tiền yêu cầu bồi thường là 6.100.000 đồng không được chấp nhận.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn L 04 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 05 năm 06 tháng tù tại bản án số: 227/2020/HSST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lò Thị N 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho anh Lê Văn T 01 xe mô tô Yamaha Exciter và 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-238.41. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc biển kiểm soát 98B3-229.84.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, các Điều 585, 587, 590 của Bộ luật dân sự

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L phải bồi thường cho anh Bùi Thế Đ số tiền 1.700.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị Đ số tiền 1.900.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.200.000 đồng, bị cáo N bồi thường 700.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 12.260.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 8.000.000 đồng, bị cáo N bồi thường 4.260.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 1.700.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.100.000 đồng, bị cáo N bồi thường 600.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 3.800.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 2.500.000 đồng, bị cáo N bồi thường 1.300.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho ông Ngụy Văn Q số tiền 1.900.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.200.000 đồng, bị cáo N bồi thường 700.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho chị Ong Thị H số tiền 10.011.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 6.700.000 đồng, bị cáo N bồi thường 3.311.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho ông Vũ Văn H số tiền 1.700.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 1.100.000 đồng, bị cáo N bồi thường 600.000 đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn L và bị cáo Lò Thị N phải liên đới bồi thường cho cháu Nguyễn Đình A số tiền 9.935.000 đồng (Trong đó bị cáo L bồi thường 6.600.000 đồng, bị cáo N bồi thường 3.335.000 đồng).

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Văn L áo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm 1.505.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo Lò Thị N.

Buộc ông Ngụy Văn Q phải chịu 305.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 332 và 333- BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi Cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

Nguyễn Ngọc Oanh